

TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG
VÀ MÔI TRƯỜNG VICEM

Số: 1003/NL&MT-NLTT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 05 tháng 8 năm 2024

THƯ MỜI CHÀO GIÁ

V/v Cung cấp chất thải rắn thông thường nhóm 1 (Vải vụn, da vụn, đế giày, nilon, mút, xốp, nhựa vụn...) phục vụ sản xuất năm 2024

Kính gửi:

Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường VICEM xin được gửi lời chào trân trọng và hợp tác tới Quý Khách hàng.

Để phục vụ cho kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024, Công ty chúng tôi có nhu cầu mua chất thải rắn thông thường nhóm 1 (Vải vụn, da vụn, đế giày, nilon, mút, xốp, nhựa vụn...) phục vụ sản xuất năm 2024.

Chúng tôi mong muốn nhận được sự hợp tác của Quý khách hàng trong việc cung cấp chất thải rắn thông thường nhóm 1 (Vải vụn, da vụn, đế giày, nilon, mút, xốp, nhựa vụn...) phục vụ sản xuất năm 2024.

Đề nghị Quý khách hàng quan tâm lập Hồ sơ chào giá, theo yêu cầu của Hồ sơ mời chào giá kèm số lượng 01 bộ (bản gốc) được đại diện hợp pháp của khách hàng ký tên đóng dấu:

Hồ sơ chào giá được đóng trong phong bì kín (niêm phong) gửi theo đường công văn tới Bộ phận văn thư của Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường VICEM (địa chỉ: số 21B, phố Cát Linh, phường Cát Linh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội).

Thời hạn nộp thư chào giá: trước 15h ngày 09/08/2024. ✕

Thời gian hiệu lực thư chào giá 45 ngày kể từ ngày hết hạn nộp thư chào giá.

Trân trọng cảm ơn Quý Khách hàng!

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



Trịnh Công Giang

**TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG VICEM**



HỒ SƠ MỜI CHÀO GIÁ

**CUNG CẤP CHẤT THẢI RẮN THÔNG THƯỜNG NHÓM 1 (VẢI VỤN,
DA GIÀY, ĐÉ GIÀY, NILON, NHỰA VỤN...) NĂM 2024**

Đơn vị mời chào giá: Công ty cổ phần Năng lượng và Môi trường VICEM
Địa chỉ: 21B Cát Linh, phường Cát Linh, Quận Đống Đa, TP Hà Nội.
Điện thoại: 024.3845.7328 Fax: 024.3845.7186

Hà Nội, tháng 08 năm 2024

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

PHẦN I: YÊU CẦU HỒ SƠ CHÀO GIÁ

A. CÁC YÊU CẦU LẬP HỒ SƠ CHÀO GIÁ

I. Yêu cầu tài liệu chứng minh tư cách pháp lý

1. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (*bản sao*).
2. Hạch toán tài chính độc lập.
3. Có cam kết không đang trong quá trình giải thể, không bị đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật (*bản chính*).

II. Yêu cầu tài liệu chứng minh năng lực, kỹ thuật:

1. Hợp đồng tương tự: có tối thiểu 01 hợp đồng cung cấp chất thải rắn thông thường nhóm 1 (Vải vụn, da vụn, đế giày, nilon, nút, xốp, nhựa vụn...), (*bản sao hợp đồng có dấu sao y bản chính*)
2. Chỉ tiêu kỹ thuật:

| Stt | Chỉ tiêu | Đơn vị tính | Giá trị |
|-----|-----------------------------|-------------|---------|
| 1 | Độ ẩm: | | |
| | - Độ ẩm nhập hàng | % | ≤ 12,0 |
| | - Độ ẩm thanh toán | % | 0,0 |
| 2 | Kích thước ≤ 120x80x5 (mm)* | % | ≥ 90 |
| 3 | Nhiệt trị | Cal/g | ≥ 4.500 |

Ghi chú:

- * Kích thước của mẫu chất thải không được lớn hơn 150x80x5 (mm), chỉ tiêu kiểm tra khi cần.
- Chất thải không được lẫn tạp chất kim loại, đất, đá, chất thải nguy hại, chất thải y tế, chất gây nổ, các tạp chất có hại khác và không có mùi hôi thối.

* Chất thải rắn thông thường nhóm 1 (Vải vụn, da vụn, đế giày, nilon, nút, xốp, nhựa vụn...) được đóng gói đảm bảo không phát tán trong quá trình vận chuyển, đảm bảo tiêu chuẩn không là chất thải nguy hại, không lẫn kim loại, bê tông, chất thải sinh hoạt, chất thải y tế, chất gây cháy nổ...

3. Nguồn gốc hàng hóa: Việt Nam.

4. Địa điểm giao hàng: Giao hàng dưới phương tiện tại kho/bãi Công ty cổ phần xi măng Vicem Hoàng Mai (địa chỉ: Khối Tân Tiến, P. Quỳnh Thiện, thị xã Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An).

III. Yêu cầu về quy cách và phương thức giao nhận hồ sơ chào giá:

- Hồ sơ chào giá được giao nhận trực tiếp tại bộ phận văn thư của Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường VICEM hoặc chuyển qua đường bưu điện theo địa chỉ: số 21B, phố Cát Linh, phường Cát Linh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, trước 15h ngày 09/08/2024.

- Hiệu lực thư chào giá: Tối thiểu 45 ngày kể từ ngày hết hạn nộp thư chào giá.

- Hồ sơ chào giá phải được đóng dấu gắn xi niêm phong trên bao bì và ghi rõ: **“Hồ sơ chào giá cung cấp chất thải rắn thông thường nhóm 1 (Vải vụn, da vụn, đế giày, nilon, nút, xốp, nhựa vụn...) năm 2024”**.

B. NỘI DUNG THƯ CHÀO GIÁ

1. Thông tin cơ bản

- Bên mời chào giá: Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường VICEM.
- Nguồn vốn: Vốn sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.
- Thời gian thực hiện hợp đồng: năm 2024.
- Loại hợp đồng: theo đơn giá điều chỉnh;
- Tổng khối lượng:

| STT | Tên hàng hóa | Khối lượng dự kiến (tấn) |
|------------|--|---------------------------------|
| 1 | Chất thải rắn thông thường nhóm 1 (Vải vụn, da vụn, đế giày, nilon, nút, xốp, nhựa vụn...) | 3.000 |

2. Nội dung đơn giá chào:

| STT | Tên hàng hóa | Đơn giá chào (đồng/tấn) (Đã bao gồm thuế VAT) |
|------------|--|--|
| 1 | Chất thải rắn thông thường nhóm 1 (Vải vụn, da vụn, đế giày, nilon, nút, xốp, nhựa vụn...) | |

(Bằng chữ:.....)

PHẦN II: TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ CHÀO GIÁ

I. Đánh giá tính hợp lệ của Hồ sơ chào giá

Hồ sơ chào giá của đơn vị cung cấp được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đủ các yêu cầu sau:

1. Có thư chào giá được đại diện hợp pháp của đơn vị khách hàng ký tên đóng dấu.
2. Có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (*bản sao*)
3. Có cam kết không đang trong quá trình giải thể, không bị đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật (*bản chính*)
4. Giá chào ghi trong hồ sơ chào giá phải cụ thể cố định bằng số, bằng chữ không đề xuất các đơn giá chào khác nhau hoặc kèm theo điều kiện bất lợi cho bên mời chào giá và giá chào phải bằng Việt Nam đồng, đã bao gồm thuế, phí.

Hồ sơ chào giá gửi thiếu hoặc không đầy đủ một trong các yêu cầu nêu tại mục I – Đánh giá tính hợp lệ của Hồ sơ chào giá sẽ không được xem xét tiếp.

5. Hiệu lực thư chào giá: Tối thiểu 45 ngày kể từ ngày hết hạn nộp thư chào giá.

Ghi chú: Hồ sơ chào giá chỉ được xem xét và đánh giá về năng lực, kinh nghiệm khi được đánh giá là Hợp lệ

II. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực, kinh nghiệm:

| TT | Tiêu chuẩn | Đánh giá |
|----|---|-----------|
| 1 | Có hợp đồng tương tự: tối thiểu 01 hợp đồng trong vòng 3 năm trở lại đây (2021, 2022, 2023) hoặc có doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ năm 2023 lớn hơn giá gói mua sắm . | Đạt |
| | Trái với trường hợp trên | Không đạt |

Ghi chú: Hồ sơ chào giá được đánh giá là Đạt tất cả các tiêu chí quy định tại Mục II - Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực, kinh nghiệm thì sẽ được xem xét, đánh giá bước tiếp theo.

III. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật:

| Stt | Nội dung yêu cầu | Đánh giá | |
|-----|--|--|---|
| | | Đạt | Không đạt |
| 1 | Đặc tính, chỉ tiêu kỹ thuật của hàng hóa | Đáp ứng yêu cầu về đặc tính, chỉ tiêu kỹ thuật của hàng hóa theo yêu cầu của HS | Không chào hoặc có chào nhưng trái với điều kiện Đạt |
| 2 | Nguồn gốc xuất xứ hàng hóa | HS nêu đầy đủ nguồn gốc, xuất xứ hàng hóa. | HS không nêu nguồn gốc, xuất xứ hàng hóa. |
| 3 | Tiến độ cung cấp | Giao hàng nhiều đợt theo đơn đặt hàng, kể từ ngày ký hợp đồng đến hết ngày 31/12/2024. | Không chào hoặc có chào nhưng trái với điều kiện Đạt |
| 4 | Địa điểm cung cấp | Dưới phương tiện tại kho/bãi theo chỉ định Công ty CP xi măng Vicem Hoàng Mai (địa chỉ: Khối Tân Tiến, P. Quỳnh Thiện, thị xã Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An) | Không chào hoặc có chào nhưng trái với điều kiện Đạt |
| 5 | Phương thức thanh toán | Thanh toán 100% tổng giá trị của hàng hoá giao nhận mỗi tháng trong vòng 45 ngày, kể từ ngày bên mời chào giá nhận được đầy đủ chứng từ thanh toán hợp lệ. | Không chào hoặc chào nhưng có điều kiện thanh toán gây bất lợi cho Bên mời chào giá |

Ghi chú: Hồ sơ chào giá được đánh giá là Đạt tất cả các tiêu chí quy định tại Mục III - Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật thì sẽ được xem xét, đánh giá bước tiếp theo.

IV. Tiêu chuẩn đánh giá về giá: Phương pháp giá thấp nhất

Cách xác định giá thấp nhất theo các bước sau đây:

Bước 1. Xác định giá chào, sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có)

Bước 2. Xếp hạng nhà cung cấp: Hồ sơ chào giá có giá chào thấp nhất sau bước 1 và không cao hơn giá dự toán của Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường VICEM sẽ được mời vào thương thảo, đàm phán hợp đồng.

PHẦN III: DỰ THẢO HỢP ĐỒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG KINH TẾ

V/v cung cấp chất thải rắn thông thường nhóm 1

(Vải vụn, da vụn, đế giày, nilon, nút, xốp, nhựa vụn,...) phục vụ sản xuất năm 2024

Số: /NL&MT-

Căn cứ Bộ luật Dân sự và Luật Thương mại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Biên bản thương thảo hợp đồng ngày / /2024 giữa Công ty và Công ty CP Năng lượng và môi trường VICEM;

Căn cứ nhu cầu và khả năng của cả hai bên.

Hôm nay, ngày tháng năm 2024, tại Công ty CP Năng lượng và môi trường VICEM:

I. Bên A: CÔNG TY CP NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG VICEM

Địa chỉ : 21B Cát Linh, phường Cát Linh, quận Đống Đa, Hà Nội.

Điện thoại: 02.438457328.

Số tài khoản : 2221.000.4045453 – Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Thanh Xuân.

Mã số thuế : 0100106352.

Đại diện : Ông Trịnh Công Giang Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc.

- Giấy ủy quyền số 1694/UQ-NL&MT ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường VICEM.

II. Bên B:

Địa chỉ :

Điện thoại số :

Số tài khoản :

Mã số thuế :

Đại diện : Chức vụ: Giám đốc.

Hai bên thống nhất ký kết và thực hiện Hợp đồng này với những điều khoản cụ thể như sau:

Điều 1: Khối lượng, chất lượng

1.1. Khối lượng chất thải rắn thông thường nhóm 1 (Vải vụn, da vụn, đế giày, nilon, nút, xốp, nhựa vụn,...): 3.000 tấn.

1.2. Chất lượng:

1.2.1. Chất thải rắn thông thường nhóm 1 (Vải vụn, da vụn, đế giày, nilon, nút, xốp, nhựa vụn,...) phải đảm bảo các chỉ tiêu sau:

| Stt | Chỉ tiêu | Đơn vị tính | Giá trị |
|-----|-----------------------------|-------------|---------|
| 1 | Độ ẩm: | | |
| | - Độ ẩm nhập hàng | % | ≤ 12,0 |
| | - Độ ẩm thanh toán | % | 0,0 |
| 2 | Kích thước ≤ 120x80x5 (mm)* | % | ≥ 90 |
| 3 | Nhiệt trị | Cal/g | ≥ 4.500 |

Ghi chú:

- * Kích thước của mẫu chất thải không được lớn hơn 150x80x5 (mm), chỉ tiêu kiểm tra khi cần.
- Chất thải không được lẫn tạp chất kim loại, đất, đá, chất thải nguy hại, chất thải y tế, chất gây nổ, các tạp chất có hại khác và không có mùi hôi thối.

1.2.2. Chất lượng chất thải rắn thông thường nhóm 1 (Vải vụn, da vụn, đế giày, nilon, nút, xốp, nhựa vụn,...) giao nhận theo kết quả phân tích của phòng Thí nghiệm Bên A (Công ty Cổ phần xi măng Vicem Hoàng Mai). Lấy mẫu, chuẩn bị mẫu, phân tích các chỉ tiêu chất lượng theo TCVN hiện hành. Phiếu phân tích chất lượng của Bên A (Công ty Cổ phần xi măng Vicem Hoàng Mai) ghi kết luận về chất lượng hàng hóa giao nhận ≤ 500 tấn/lô. Mỗi lô hàng không quá 05 ngày nhập, nếu quá 05 ngày nhập mà chưa đủ 500 tấn thì vẫn tính là một lô.

Điều 2. Điều kiện chế tài

2.1. Độ ẩm hàng:

2.1.1. Độ ẩm tại nơi giao hàng $W_{tt} \leq 12\%$ thì khối lượng thanh toán được tính theo công thức như sau:

$$M_{T.toán} = M_{TT} \times (100 - W_{tt}) / (100 - W_{T.toán}); \text{ trong đó:}$$

$M_{T.toán}$: Khối lượng thanh toán (tương ứng với độ ẩm thanh toán).

M_{TT} : Khối lượng thực tế giao nhận qua cân của Bên A (tương ứng với độ ẩm thực tế).

W_{tt} : Độ ẩm thực tế của hàng hóa tại địa điểm lấy mẫu của Bên A (độ ẩm qua phân tích chất lượng của phòng Thí nghiệm Bên A).

$W_{T.toán}$: Độ ẩm thanh toán (0%).

2.1.2. Trường hợp: Độ ẩm $W_{tt} > 12\%$, thì Bên A có quyền từ chối nhập hàng và Bên B tự chịu chi bốc xếp, vận chuyển ra khỏi kho của Bên A. Trường hợp Bên A chấp nhận nhập hàng, khối lượng thanh toán được quy về độ ẩm 0% theo công thức tại mục 2.1.1 khoản 2.1 Điều 2 của Hợp đồng và Bên B bị giảm trừ 1,0% giá trị lô hàng đó theo đơn giá Hợp đồng hoặc đơn giá ký Phụ lục hợp đồng (nếu có điều chỉnh giá).

2.2. Về nhiệt trị:

2.2.1. Trường hợp: $Q_{tt} \geq 4.500$ Cal/g thì khi thanh toán Bên A sẽ thanh toán theo đơn giá quy định của Hợp đồng.

2.2.2. Trường hợp: 4.000 Cal/g $\leq Q_{tt} < 4.500$ Cal/g, nếu Bên A đồng ý nhập hàng thì khi thanh toán Bên A sẽ thanh toán theo đơn giá (chưa bao gồm thuế VAT) được qui đổi theo công thức sau:

$$G_{tt} = G_{hd} \times Q_{tt}/4.500; \text{ trong đó:}$$

G_{tt} : Đơn giá thanh toán tương ứng với nhiệt trị khô thực tế của hàng hóa.

G_{hd} : Đơn giá qui định của hợp đồng.

Q_{tt} : Nhiệt trị khô theo kết quả phân tích mẫu của Phòng Thí nghiệm của Bên A.

2.2.3. Trường hợp: hàng hóa có chỉ tiêu Nhiệt trị $Q_{tt} < 4.000$ cal/g, thì Bên A sẽ từ chối nhập xe hàng và Bên B tự chịu chí bốc xếp, vận chuyển ra khỏi kho của Bên A.

2.3. Về kích thước:

- Kích thước phải đảm bảo theo điểm 2 mục 1.2.1 khoản 1.2 Điều 1.

- Trường hợp chỉ tiêu quy định tại điểm 2 mục 1.2.1 khoản 1.2 Điều 1 có giá trị $>50\%$ và $<90\%$ thì bên B bị giảm trừ giá trị lô hàng với giá trị được xác định như sau:

$$GTGT = 90\%/GTTT \times GTLH$$

Trong đó:

+ GTGT: là giá trị hàng hóa bị giảm trừ của lô hàng.

+ GTTT: là giá trị chỉ tiêu quy định tại điểm 2 mục 1.2.1 khoản 1.2 Điều 1 thực tế của lô hàng.

+ GTLH: là giá trị của lô hàng đó theo đơn giá Hợp đồng hoặc đơn giá ký Phụ lục hợp đồng (nếu có điều chỉnh giá).

- Trường hợp chỉ tiêu quy định tại điểm 2 mục 1.2.1 khoản 1.2 Điều 1 có giá trị $<50\%$ thì bên B bị giảm trừ 2,0% giá trị lô hàng đó theo đơn giá Hợp đồng hoặc đơn giá ký Phụ lục hợp đồng (nếu có điều chỉnh giá).

- Trường hợp kiểm tra sơ bộ kích thước của vải vụn, da vụn, đế giày, nilon, nút, xốp, nhựa vụn,... lớn hơn 150x80x5mm thì Bên A có quyền từ chối nhập hàng và Bên B tự chịu chí bốc xếp, vận chuyển ra khỏi nhà máy của Bên A. Trường hợp Bên A chấp nhận nhập hàng thì Bên B phải tổ chức sàng lọc, thu gom lại các loại có kích thước vượt yêu cầu và vận chuyển ra khỏi nhà máy đồng thời bị giảm trừ 2,0% giá trị lô hàng đó theo đơn giá Hợp đồng hoặc đơn giá ký Phụ lục hợp đồng (nếu có điều chỉnh giá).

2.4. Trường hợp Bên B bị giảm trừ giá trị lô hàng được quy định tại khoản 2.1 và khoản 2.3 ba lần liên tiếp thì bên A sẽ dừng nhập hàng trong vòng 02 tháng để bên B tổ chức lại sản xuất cho đến khi hàng hóa đạt các tiêu chuẩn yêu cầu của Hợp đồng, sau đó Bên A mới tiếp tục xem xét nhập hàng. Khi có tranh chấp về các chỉ tiêu kỹ thuật của vải vụn, da vụn, đế giày, nilon, nút, xốp, nhựa vụn,... thì hai bên sẽ tiến hành lập biên bản và lấy mẫu lưu để thí nghiệm tại bên thứ 3. Kết quả thí nghiệm của bên thứ 3 là kết quả hai bên phải công nhận. Chi phí thí nghiệm tại bên thứ 3 do bên đề nghị thí nghiệm chi trả.

Điều 3. Đơn giá và giá trị hợp đồng

3.1. Đơn giá và giá trị hợp đồng

| Stt | Tên hàng | ĐVT | Số lượng | Đơn giá (Đồng/ ĐVT) | Thành tiền (Đồng) |
|--------------|---|-----|----------|---------------------|-------------------|
| 1 | Chất thải rắn thông thường nhóm 1 (Vải vụn, da vụn, đế giày, nilon, nút, xốp, nhựa vụn,...) | Tấn | 3.000 | | |
| Cộng: | | | | | |

| Stt | Tên hàng | ĐVT | Số lượng | Đơn giá (Đồng/ ĐVT) | Thành tiền (Đồng) |
|---|----------|-----|----------|---------------------|-------------------|
| Thuế GTGT 08%: | | | | | |
| Giá trị hợp đồng (đã bao gồm tiền hàng, chi phí vận chuyển, chi phí giao nhận, chi phí trung chuyển.... và thuế GTGT 08%): | | | | | |

Bằng chữ: đồng

Ghi chú: Mức thuế suất thuế GTGT tại thời điểm ký kết hợp đồng là 08%. Khi Nhà nước điều chỉnh mức thuế suất thuế GTGT thì hai bên sẽ áp mức thuế suất mới và không cần phải ký phụ lục điều chỉnh.

3.2. Điều kiện điều chỉnh giá và khối lượng

3.2.1. Đơn giá chất thải rắn thông thường nhóm 1 (Vải vụn, da vụn, đế giày, nilon, nút, xốp, nhựa vụn,...) trong phạm vi cung cấp của Hợp đồng này là đơn giá điều chỉnh. Trong trường hợp có sự biến động của thị trường làm cho giá chất thải rắn thông thường nhóm 1 (Vải vụn, da vụn, đế giày, nilon, nút, xốp, nhựa vụn,...) tăng/giảm thì hai bên sẽ xem xét để điều chỉnh đơn giá hàng hóa bằng phụ lục Hợp đồng.

3.2.2. Trường hợp Bên A có nhu cầu mua tăng khối lượng so với khối lượng hợp đồng thì hai bên sẽ đàm phán để thống nhất, ký phụ lục bổ sung khối lượng.

Điều 4: Thanh toán

4.1. Phương thức thanh toán: Bên A thanh toán cho Bên B 100% tổng giá trị của lô hàng giao nhận mỗi tháng trong vòng 45 ngày, kể từ ngày Bên A nhận đầy đủ chứng từ thanh toán hợp lệ.

4.2. Chứng từ thanh toán, gồm có:

4.2.1. Hóa đơn thuế giá trị gia tăng.

4.2.2. Biên bản giao nhận và nghiệm thu giữa 2 bên.

4.2.3. Phiếu nhập kho của Bên A.

4.2.4. Phiếu phân tích chất lượng của Bên A.

4.2.5. Các chứng từ khác (nếu có).

4.3. Hình thức thanh toán: Chuyển khoản.

4.4. Loại tiền thanh toán: Tiền Việt Nam đồng.

Điều 5. Loại hợp đồng: Hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh.

Điều 6. Thời gian, địa điểm và phương thức giao nhận

6.1. Thời gian giao hàng: Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực, chất thải rắn thông thường nhóm 1 (Vải vụn, da vụn, đế giày, nilon, nút, xốp, nhựa vụn,...) được giao thành nhiều đợt, thời gian giao hàng và khối lượng từng đợt theo thông báo cụ thể của Bên A.

6.2. Địa điểm giao hàng: Giao hàng dưới phương tiện tại kho/ bãi theo chỉ định của Bên A (Nhà máy Công ty CP Xi măng Vicem Hoàng Mai, Xã Quỳnh Vinh, Thị xã Hoàng Mai, Tỉnh Nghệ An).

6.3. Phương thức giao nhận:

6.3.1. Khối lượng chất thải rắn thông thường nhóm 1 (Vải vụn, da vụn, đế giày, nilon, nút, xốp, nhựa vụn,...) giao nhận sẽ được hai bên xác định theo tải trọng của mỗi ô tô chở

hàng của Bên B bằng thiết bị cân điện tử của Bên A (Công ty CP Xi măng Vicem Hoàng Mai; trọng tải xe ô tô có hàng < 60 tấn).

6.3.2. Bên A sẽ cùng Bên B lấy 01 mẫu để phân tích chất lượng và 01 mẫu lưu. Mẫu chất thải rắn thông thường nhóm 1 (Vải vụn, da vụn, đế giày, nilon, nút, xốp, nhựa vụn,...) được lấy theo yêu cầu của Bên A; kết quả thí nghiệm mẫu của (Công ty CP Xi măng Vicem Hoàng Mai) là cơ sở để nghiệm thu và thanh toán.

Điều 7. Trách nhiệm của các bên

7.1. Trách nhiệm của Bên A

- a) Bố trí Cán bộ cùng với Bên B làm thủ tục giao nhận, kiểm tra chất lượng chủng loại và xử lý các phát sinh trong quá trình giao nhận (nếu có).
- b) Tạo điều kiện giải phóng nhanh phương tiện vận chuyển cho Bên B.
- c) Thanh toán tiền cho Bên B đúng thời hạn như đã quy định trong Hợp đồng.
- d) Bên A ủy quyền cho Chi nhánh Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường VICEM tại Hoàng Mai (Địa chỉ:..... MST:) thực hiện giao nhận hàng hóa, đối chiếu và tiếp nhận hóa đơn GTGT, bộ chứng từ thanh toán với bên B và giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện Hợp đồng.

7.2. Trách nhiệm Bên B

- a) Đảm bảo cung cấp đầy đủ các loại hàng hóa cho Bên A theo số lượng, chủng loại, đặc tính kỹ thuật như đã quy định tại Điều 1 của Hợp đồng.
- b) Đảm bảo tiến độ giao hàng như đã quy định tại Điều 6 của Hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng được hai bên chấp thuận.
- c) Cùng Bên A giải quyết những khó khăn vướng mắc trong quá trình thực hiện Hợp đồng.
- d) Có trách nhiệm cung cấp những chứng từ cần thiết và đảm bảo tính pháp lý của chất thải rắn thông thường nhóm 1 (Vải vụn, da vụn, đế giày, nilon, nút, xốp, nhựa vụn,...) đã cung cấp cho Bên A.
- e) Bên B chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về nguồn gốc xuất xứ của chất thải rắn thông thường nhóm 1 (Vải vụn, da vụn, đế giày, nilon, nút, xốp, nhựa vụn,...) và tính chính xác, pháp lý của các chứng từ thanh toán do Bên B cung cấp cho Bên A.
- f) Trường hợp việc cung ứng chất thải rắn thông thường nhóm 1 (Vải vụn, da vụn, đế giày, nilon, nút, xốp, nhựa vụn,...) của Bên B không đảm bảo theo yêu cầu Bên A mà làm ảnh hưởng đến tình hình sản xuất kinh doanh của Bên A thì Bên A sẽ xem xét, xử phạt vi phạm hợp đồng đối với Bên B.
- g) Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, Bên B chịu trách nhiệm và thực hiện nghiêm chỉnh các quy định của Bên A và quy định của Nhà nước về công tác bảo vệ môi trường, an toàn vệ sinh, phòng chống cháy nổ, vệ sinh dịch tễ, an toàn lao động và vệ sinh lao động.

Điều 8. Bồi thường thiệt hại, rủi ro và bất khả kháng

8.1. Bồi thường thiệt hại

Nếu một trong hai bên không thực hiện trách nhiệm được quy định trong Hợp đồng dẫn đến thiệt hại cho bên kia thì bên vi phạm phải chịu bồi thường toàn bộ giá trị thiệt hại

đó cho bên bị thiệt hại. Trường hợp vải vụn, da vụn, đế giày, nilon, nút, xóp, nhựa vụn,... do Bên B cung cấp có chứa chất thải nguy hại, chất gây cháy nổ, bê tông, sắt thép... gây hư hỏng thiết bị, làm ảnh hưởng đến sản xuất, môi trường của Bên A thì Bên B phải bồi thường toàn bộ thiệt hại.

8.2. Rủi ro và bất khả kháng

- Rủi ro là nguy cơ ảnh hưởng tiêu cực đến việc thực hiện Hợp đồng. Các bên phải đánh giá các nguy cơ rủi ro, lập kế hoạch quản lý rủi ro, các phương án quản lý rủi ro của mình;

- Bất khả kháng là sự kiện rủi ro không thể chống đỡ nổi khi nó xảy ra như động đất, bão, lũ, lụt, lốc, sóng thần, lở đất hay hoạt động núi lửa, chiến tranh, dịch bệnh... và:

+ Bất khả kháng không bao gồm sự sơ suất hoặc cố ý của một bên nào đó, hoặc bất kỳ sự cố nào mà một bên đã dự kiến được vào thời điểm ký kết Hợp đồng và tránh (hoặc khắc phục) trong quá trình thực hiện Hợp đồng;

+ Việc một bên không hoàn thành nghĩa vụ của mình sẽ không bị coi là vi phạm Hợp đồng trong trường hợp phát sinh từ sự kiện bất khả kháng với điều kiện bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng đã thực hiện các biện pháp đề phòng theo nội dung của Hợp đồng này.

- Các biện pháp thực hiện trong tình trạng bất khả kháng:

+ Bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải tiến hành các biện pháp để hoàn thành các nghĩa vụ theo Hợp đồng với thời gian sớm nhất và phải thông báo cho bên kia biết sự kiện bất khả kháng vào thời gian sớm nhất. Trong bất kỳ tình huống nào cũng không chậm hơn 07 ngày sau khi sự kiện bất khả kháng xảy ra; cung cấp bằng chứng về bản chất và nguyên nhân, đồng thời thông báo việc khắc phục trở lại điều kiện bình thường vào thời gian sớm nhất;

+ Các bên sẽ thực hiện mọi biện pháp để giảm tối đa mức thiệt hại do sự kiện bất khả kháng gây ra;

+ Trong trường hợp xảy ra bất khả kháng, các bên sẽ gia hạn thời gian thực hiện Hợp đồng tương ứng bằng thời gian diễn ra sự kiện bất khả kháng mà bên bị ảnh hưởng không thể thực hiện nghĩa vụ theo Hợp đồng của mình;

+ Nếu trường hợp bất khả kháng xảy ra mà mọi nỗ lực của một bên hoặc các bên không đem lại kết quả và buộc phải chấm dứt công việc tại một thời điểm bất kỳ, một bên sẽ gửi thông báo việc chấp dứt Hợp đồng bằng văn bản cho bên kia và việc chấm dứt sẽ có hiệu lực 03 ngày sau khi bên kia nhận được thông báo.

Điều 9. Điều khoản thi hành

9.1. Mọi tranh chấp phát sinh từ việc thực hiện Hợp đồng sẽ được giải quyết thông qua thương lượng, hòa giải giữa Các Bên. Nếu việc thương lượng, hòa giải không đạt kết quả thì tranh chấp sẽ được đưa ra giải quyết tại Tòa án có thẩm quyền theo quy định của pháp luật. Quyết định của Tòa án là quyết định cuối cùng và có hiệu lực thi hành với Các Bên. Bên có lỗi theo phán quyết của Tòa án có trách nhiệm chi trả mọi chi phí tố tụng.

9.2. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày hai bên cùng ký. Sau 15 ngày kể từ khi cả hai bên hoàn thành tất cả các nghĩa vụ của mình theo quy định của Hợp đồng và không có khiếu nại gì thì Hợp đồng được xem như đã thanh lý.

9.3. Hợp đồng này được làm thành 06 bản có giá trị pháp lý như nhau, Bên A giữ 04 bản, Bên B giữ 02 bản./

**ĐẠI DIỆN BÊN B
GIÁM ĐỐC**

**ĐẠI DIỆN BÊN A
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**

Trịnh Công Giang